TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 240/2022/DS-PT
Ngày 31 – 8 – 2022
V/v Tranh chấp hợp đồng vay và đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Đinh Cẩm Đào

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Hứa Như Nguyện - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 126/2022/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2022 về việc: Tranh chấp vay tài sản và đòi lại tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số:127/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Chương Văn L, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh C ..

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Chương Văn L: Ông Đặng Minh H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 24, đường 3 tháng 2, khóm 5, phường 5, thành phố C, tỉnh C (Có mặt).

- *Bị đơn*:

1. Ông Võ Văn T, sinh năm 1971 (Có mặt);

2. Bà Lê Thị B, sinh năm 1975 (Vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bà Lê Thị B: Ông Võ Văn T .

Cùng địa chỉ: Ấp N, xã Q, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Nguyễn Chí H1, sinh năm 1986 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện P, tỉnh C ..

2. Bà Trương Hồng K, sinh năm 1969 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã Q, huyện Đ, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Ông Võ Văn T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của ông Chương Văn L và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện của ông L trình bày:

Vào khoảng cuối tháng 10/2017, ông Võ Văn T và bà Lê Thị B cải tạo ao nuôi tôm công nghiệp nhưng không đủ kinh phí nên hỏi mượn tiền của ông Chương Văn L. Ngày 12/11/2017, ông L cho ông T và bà B mượn 230.000.000 đồng; sau đó cho mượn thêm 50.942.000 đồng để mua vật tư nuôi tôm, tổng số tiền ông L cho mượn là 280.942.000 đồng.

Trong quá trình nuôi tôm công nghiệp, ông T và bà B nuôi không hiệu quả, đến đầu năm 2019 còn nợ tiền thức ăn tôm của Đại lý thức ăn thủy sản Hai Luận (do ông Nguyễn Chí H1 làm chủ) số tiền 903.942.000 đồng, nên đại lý không tiếp tục đầu tư bán thức ăn cho ông T và bà B. Lúc này, ông T và bà B nhờ ông L đến gặp ông H1 thỏa thuận và ký bảo lãnh, khi ông T và bà B không trả tiền thì ông L sẽ có trách nhiệm trả, nên ông H1 đồng ý và cho ông L ký bảo lãnh số tiền trên. Đến ngày 19/3/2019 âm lịch, giữa ông L và ông T ký đối chiếu, quyết toán công nợ thì ông T và bà B thừa nhận nợ ông L số tiền 1.184.884.000 đồng.

Đến cuối năm 2020 do ông T và bà B không trả nợ, nên ông H1 yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh; ông L đã trả cho ông H1 số tiền 903.942.000 đồng. Sau đó, ông L nhiều lần yêu cầu ông T và bà B trả nợ thì ông T và bà B trả được 03 lần bằng 150.000.000 đồng; đối trừ, ông T và bà B còn nợ ông L số tiền là 1.034.884.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện của ông L yêu cầu ông T và bà B trả cho ông L số tiền 1.034.000.000 đồng, số còn lại 884.000 đồng không yêu cầu.

- Theo ông Võ Văn T trình bày:

Ông thừa nhận mượn của ông L số tiền 230.000.000 đồng, sau đó mượn thêm và nhờ mua vật tư với tổng số tiền 50.942.000 đồng để làm ao công nghiệp. Sau khi đầu tư, cải tạo ao nuôi, ông mua thức ăn tôm của Đại lý Hai Luận (do ông H1 làm chủ) thông qua bảo lãnh của ông L. Quá trình mua thức ăn, khi chốt nợ thì ông còn nợ ông H1 số tiền 903.942.000 đồng, ông L đứng ra nhận trả nợ; ngày 19/3/2019 âm lịch, làm biên bản chốt công nợ thì ông còn nợ ông L tổng số tiền 1.184.884.000 đồng.

Đến ngày 03/5/2019, ông đã trả cho ông L 550.000.000 đồng, khi trả ông L đã ghi mặt sau của biên bản đối chiếu; đến khoảng tháng 4/2021, ông đưa cho bà Trương Hồng K (là chị ruột của ông L) số tiền 50.000.000 đồng để trả cho ông L. Tổng số tiền ông đã trả cho ông L là 600.000.000 đồng, còn nợ lại 584.884.000 đồng; ông chỉ đồng ý trả cho ông L số tiền 584.884.000 đồng.

- Theo bà Lê Thị B trình bày:

Bà B thống nhất với ý kiến trình bày của ông Võ Văn T.

- Theo ông Nguyễn Chí H1 trình bày:

Trước đây, ông có bán thức ăn và thuốc thủy sản cho ông Võ Văn T, ông T nợ số tiền 903.942.000 đồng nhưng không thanh toán nên ông ngưng cung cấp, ông Chương Văn L đứng ra bảo lãnh trả nợ để ông tiếp tục đầu tư cho ông T. Do ông T không trả nợ nên ông đã yêu cầu ông L thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và ông L đã thanh toán xong số tiền mà ông T nợ của ông.

- Theo bà Trương Hồng K trình bày;

Bà không biết việc làm ăn giữa ông T với ông L. Bà không nhận bất cứ khoản tiền nào của ông T đưa để trả cho ông L; việc ông T cho rằng đã đưa cho bà số tiền 50.000.000 đồng để trả cho ông L là không có, bà hoàn toàn không nhận khoản tiền này.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 54/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chương Văn L.

Buộc ông Võ Văn T và bà Lê Thị B trả cho ông L tổng số tiền 1.034.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06/5/2022, ông Võ Văn T có đơn kháng cáo, chỉ đồng ý trả cho ông L số tiền 584.884.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phần tranh luận tại phiên toà:

Ông T phát biểu: Ông T đã trả cho ông L được 600.000.000 đồng, còn nợ 584.884.000 đồng. Ông T chỉ đồng ý trả cho ông L 584.884.000 đồng.

Ông Hải phát biểu: Ông T cho rằng đã trả cho ông L 600.000.000 đồng là không đúng, mà ông T chỉ trả cho ông L được 150.000.000 đồng, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T, giữ bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Võ Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Theo "Biên bản quyết toán công nợ đã đầu tư" ngày 19/3/2019AL, ông T và ông L thống nhất xác định ông T còn nợ ông L tiền mượn, tiền ông L đầu tư cho ông T, tiền ông L nhận bảo lãnh trả nợ cho Đại lý thức ăn thuỷ sản Hai Luận thay cho ông T tổng số tiền là 1.184.884.000 đồng; ông T và ông L có ký tên vào bản quyết toán công nợ. Tuy nhiên, các bên trình bày không thống nhất với nhau về việc thánh toán công nợ. Ông L cho rằng ông T trả được 150.000.000 đồng, còn nợ 1.034.884.000 đồng, nhưng chỉ yêu cầu ông T trả 1.034.000.000 đồng. Ông T cho rằng đã trả 600.000.000 đồng, còn nợ 584.884.000 đồng, chỉ đồng ý trả cho ông L 584.884.000 đồng.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, ông T trình bày số tiền ông T đã trả cho ông L 600.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 03/5/2019 trả cho ông L 550.000.000 đồng, khi trả ông L đã ghi mặt sau của biên bản đối chiếu công nợ của ông T giữ; đến tháng 4/2021 ông đưa cho bà Trương Hồng K là chị ruột của ông L 50.000.000 đồng để trả cho ông L. Ông L trình bày ngày 03/5/2019 ông T chỉ trả 50.000.000 đồng và ông có ghi vào mặt sau của bản đối chiếu công nợ của ông T giữ; thời gian sau ông T có trả thêm được 100.000.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng; ông L xác định không có nhận khoản tiền nào từ bà K do ông T gửi trả.

[3] Tại cấp sơ thẩm, ông L cho rằng chữ số "5" ở vị trí hàng trăm triệu của dãy số "550.000.000đ" và chữ số "5" ở vị trí hàng trăm của dãy số "550 triệu" không phải do ông ghi và có yêu cầu giám định. Tòa án cấp sơ thẩm đã có Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự tỉnh Cà Mau giám định theo yêu cầu của ông L.

[4] Tại Kết luận giám định số 50/KL-GĐTL-PC09 ngày 23/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Cà Mau kết luận: Chữ số "5" tại vị trí hàng trăm triệu trong dãy số "550.000.000đ" và chữ số "5" tại vị trí hàng trăm trong dãy số "(550 triệu)" ở dòng thứ nhất (tính từ trên xuống) mặt sau "BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN CÔNG NỢ ĐÃ ĐẦU TƯ" ngày 19/3/2019 AL là chữ số điền thêm.

[5] Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông T cho rằng kết quả giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau là không chính xác và có đơn yêu cầu giám định lại. Tòa án cấp phúc thẩm đã có Quyết đinh trưng cầu giám định số 240/2020/QĐ-TCGĐ ngày 29/6/2022 trưng cầu Phân viện Khoa học Hình sự Bộ Công an giám định: Chữ số "5" ở vị trí hàng trăm triệu của dãy số "550.000.000 đ" và chữ số "5" ở vị trí hàng trăm của dãy số "(550 triệu)" tại dòng thứ nhất mặt sau của "BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN CÔNG NỢ ĐÃ ĐẦU TƯ" ngày 19/3/2019AL có phải là chữ số điền thêm hay không; Chữ số "5" tại vị trí hàng trăm triệu và chữ số "5" tại vị trí hàng chục triệu trong dãy số "550.000.000đ", Chữ số "5" tại vị trí hàng trăm và chữ số "5" tại vị trí hàng chục trong dãy số "(550 triệu)" tại dòng thứ nhất mặt sau của "BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN CÔNG NỢ ĐÃ ĐẦU TƯ" ngày 19/3/2019AL có phải do cùng một người viết ra hay không. Tại Kết luận giám định số 3843/KL-KTHS ngày 18/8/2022 của Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

+ Chữ số "5" ở vị trí hàng trăm triệu của nội dung "550.000.000đ" và chữ số "5" ở vị trí hàng trăm của nội dung "550 triệu" tại mặt sau tại mặt sau "BIÊN BẢN

QUYẾT TOÁN CÔNG NỢ ĐÃ ĐẦU TƯ" NGÀY 19/3/2019 AL là được điền thêm.

+ Không đủ cơ sở kết luận hai chữ số "5" của nội dung "550.000.000đ" tại mặt sau "BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN CÔNG NỢ ĐÃ ĐẦU TƯ" NGÀY 19/3/2019 AL là có phải do cùng một người viết ra hay không.

+ Không đủ cơ sở kết luận hai chữ số "5" của nội dung "(550 triệu)" tại mặt sau "BIÊN BẢN QUYẾT TOÁN CÔNG NỢ ĐÃ ĐẦU TƯ" NGÀY 19/3/2019 AL là có phải do cùng một người viết ra hay không.

[6] Như vậy, có đủ cơ sở xác định chữ số "5" ở vị trí hàng trăm triệu của dãy số "550.000.000đ" và chữ số "5" ở vị trí hàng trăm của dãy số "550 triệu" là chữ số được điền thêm để thành dãy số "550.000.000đ" , "550 triệu" và không đủ cơ sở xác định chữ số "5" được điền thêm là do ông L viết.

[7] Tại Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 25/4/2022, ông T cũng trình bày: Phần dòng chữ trong bản đối chiếu do ông L ghi một lần, không có việc ông L ghi 50.000.000 đồng, ông T yêu cầu ghi thêm số 5 thành 550.000.000đ. Kết hợp kết quả giám định và trình bày của ông T tại phiên tòa sơ thẩm, có cơ sở xác định chữ số "5" được điền thêm không phải do ông L viết khi ghi nhận số tiền ông T trả vào ngày 03/5/2019, mà được điền thêm sau đó, trong khi Bản đối chiếu công nợ là do ông T giữ.

[8] Xét trình bày của ông T về nguồn tiền trả cho ông L: Theo ông T tại thời điểm quyết toán công nợ (ngày 19/3/2019 âm lịch) thì ông T đang đầu tư 01 ao nuôi tôm công nghiệp diện tích 1.600m^2 (được khoảng nửa tháng) và 01 ao dèo diện tích 450m^2; đến khoảng cuối tháng 4/2019 âm lịch ông T tỉa thưa ao được hơn 400.000.000 đồng, số tiền nay ông T đã sử dụng vào việc trả nợ (khoản vay khác) và đầu tư bình điện nuôi ao công nghiệp không còn. Sau khi tỉa ao thì tình trạng tôm không hiệu quả nên vài ngày sau ông T đã thu hoạch ao tôm được số tiền khoảng 1.200.000.000 đồng, ông T trả các chi phí đầu tư khoảng hơn 800.000.000 đồng, số còn lại ông T trả cho ông L 550.000.000 đồng. Đối chiếu giữa số tiền ông T cho rằng thu hoạch tôm được khoảng 1.200.000.000 đồng với số tiền chi trả các khoản chi phí hơn 800.000.000 đồng, thì số tiền còn lại cũng không đủ 550.000.000 đồng như ông T trình bày để trả cho ông L. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại cấp phúc thẩm, ông T cũng không chứng minh được sản lượng tôm thu hoạch và số tiền thu được như ông L đã trình bày, nên chưa có cơ sở để chấp nhận.

[9] Đối với trình bày của ông T cho rằng có gửi cho bà Trương Hồng K số tiền 50.000.000 đồng để trả cho ông L, nhưng bà K và ông L hoàn toàn không thừa nhận có việc này, ông T cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho trình bày của ông T là có căn cứ, nên không có cơ sở để chấp nhận.

[10] Từ nhận định trên, xét trình bày của ông T cho rằng đã trả cho ông L số tiền 600.000.000 đồng là không có căn cứ. Do đó, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông T, giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm ông T phải chịu theo quy định.

[12] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 54/2022/DS-ST ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Chương Văn L.

Buộc ông Võ Văn T và bà Lê Thị B trả cho ông Chương Văn L tổng số tiền 1.034.000.000 đồng (Một tỷ không trăm ba mươi bốn triệu đồng).

Chi phí giám định: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị B phải chịu số tiền là 5.870.000 đồng (Năm triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng). Ông Chương Văn L đã nộp số tiền trên nên buộc ông T và bà B có nghĩa vụ nộp số tiền 5.870.000 đồng để hoàn trả cho ông L.

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền trên, thì hàng tháng ông T và Bước còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Võ Văn T và bà Lê Thị B phải chịu 21.510.000 đồng. Ông Chương Văn L không phải chịu án phí. Ông L đã dự nộp 22.063.000 đồng theo biên lai thu tiền 0011807 ngày 22/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi được nhận lại.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Võ Văn T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 06/5/2022, ông T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền 0012405 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi;*
- *Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Lập